TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa ông L và bà S.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đăng Đán;

2. Bà Nguyễn Thị Thích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thập - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 02/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá L, sinh năm: 1951;

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Bá L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1971, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có với nhau con chung, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2010 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Đến 11/2016, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nay, ông cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên ông xin ly hôn với bà S.

- *Về nuôi con chung:* Ông và bà S có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 và Nguyễn Thanh V, sinh năm 1984 (ngoài ra, còn Nguyễn Thành L đã chết năm 1995).

Hiện các con chung đều khỏe mạnh, đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng, nên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về chia tài sản:* Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị S thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian chung sống với nhau như vợ chồng và kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng: Bà và ông L, tình cảm vợ chồng vẫn còn và vẫn có khả năng đoàn tụ nên bà không nhất trí ly hôn, mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà cũng thừa nhận bà không đưa ra được phương án nào để vợ chồng đoàn tụ.

- *Về nuôi con chung:* Bà thừa nhận trình bày của nguyên đơn về con chung và điều kiện con chung và nay cũng không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về chia tài sản:* Bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+. *Về hôn nhân:* Cho ông L được ly hôn bà S.

+. *Về nuôi con chung:* Không đề cập giải quyết.

+. *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

+. *Về án phí:* Buộc ông L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[*1. Về hôn nhân:* Nhận thấy, ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1971, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đã có với nhau các con chung, tuy đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nhưng quan hệ vợ chồng này được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật nay có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng không có kết quả, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn bà S tuy không nhất trí ly hôn nhưng bà không đưa ra được phương án hòa giải cụ thể nào để thuyết phục ông L về đoàn tụ, hơn nữa tại phiên tòa mở lại hôm nay, bà S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chứng tỏ bà S thực sự không có thiện chí đoàn tụ, nên đề nghị của bà không có cơ sở.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho ông L được ly hôn bà S là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.**]**

[*2. Về nuôi con chung:* Xét thấy, ông L và bà S có 03 con chung là L, H và V (ngoài ra, còn L đã chết năm 1995) đều khỏe mạnh, đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng, nên hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn. Do đó, không đề cập xem xét. **]**

[*3. Về chia tài sản:* Do các bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật. **]**

[*4. Về án phí:* Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. **]**

[5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. **]**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị S.

2. Về nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đề cập giải quyết.

**. Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc ông L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0001130 ngày 02/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình; ông L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**. Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã Vạn Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyến
(đã ký)